

Bản án số: **580/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 20/12/2022

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng

Các Hội thẩm N dân: 1. Ông Trần Văn Vinh

2. Ông Nguyễn Anh Đức

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Mai Hoa - Thư ký Tòa án N dân huyện T

Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn
Duy Hùng - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án N dân huyện T xét xử sơ
thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 478/2022/TLST-HNGĐ
ngày 14/10/2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số
131/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/11/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1983 (có mặt)

HKTT: xã L, huyện T, Hà Nội

Chỗ ở: thôn Y, xã L, huyện T, Hà Nội

Bị đơn: anh Võ Văn N, sinh năm 1980 (xin vắng mặt)

HKTT: Q, Q, Thừa Thiên Huế

Chỗ ở: thôn Y, xã L, huyện T, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, chị
Nguyễn Thị Thanh H trình bày:**

Về quan hệ Hôn nhân: Chị H và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do
tìm hiểu và có đăng ký kết Hôn nhân ngày 26/06/2002 tại UBND xã L, huyện T, Hà
Nội. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại nhà mẹ đẻ chị H ở thôn Y, xã L,
huyện T, Hà Nội. Anh chị chung sống hòa thuận đến giữa năm 2008 thì phát sinh
mâu thuẫn. Nguyên N là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan
điểm. Anh chị không thống nhất được về lối sống, về cách nuôi dạy con cái, dẫn
đến thường xuyên bất hòa, xô xát, chửi bới, cãi nhau. Anh N thường xuyên đánh
đập chị H, nhưng vì các con và gia đình, chị H luôn cố gắng chịu đựng. Từ năm

2013, anh chị sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau. Sau đó, anh chị đã đoàn tụ một thời gian, nhưng anh N vẫn chứng nào tật nấy. Đến năm 2018, anh chị tiếp tục sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Đỉnh điểm là tháng 6/2022, anh N đánh chị H đến nỗi chị H phải đi bệnh viện Vkhám và chụp CT não. Từ cuối tháng 9/2022 đến nay, chị H đã chuyển ra thuê nhà ở riêng. Gia đình chị H cũng đã hòa giải cho anh chị đoàn tụ, nhưng chị không còn tình cảm, nên vẫn quyết xin ly hôn với anh N.

Việc người nhà và anh N nói chị có quan hệ với người đàn ông khác là hoàn toàn không đúng sự thật. Về người đàn ông trong video anh N giao nộp cho Tòa án chỉ là người quen, khách Hng của chị H, do chị có buôn bán thêm nước giải khát online, giữa chị và người này không có quan hệ tình cảm nam nữ. Việc người đàn ông này nói trong video là có tình cảm với chị thì không liên quan đến chị. Bản thân chị không có tình cảm gì với người đàn ông này. Nhà trọ trong video cũng không phải là chị thuê hay ở cùng người này. Trong video chị nói có tình cảm với người này là do người nhà chị kéo đến và gây chuyện với khách Hng, ảnh hưởng đến việc kinh doanh của chị nên trong lúc tức giận và bức xúc vì bị oan, chị đã nói như vậy cho đỡ tức, chứ thực tế hoàn toàn không phải.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là các cháu: Võ Kim T, sinh ngày 10/04/2007, Võ Thành N, sinh ngày 09/07/2012 và Võ Nguyễn Chúc An, sinh ngày 23/9/2018. Từ khi chuyển ra ngoài sinh sống, chị H vẫn về thăm con, chăm con. Sau ly hôn, chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu An và giao cháu T, cháu N cho anh N nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H hiện đang làm N viên y tế tại trường mầm non B Ngũ Hiệp, T,H Nội, thu nhập khoảng 5 triệu đồng/tháng. Trường hợp được nuôi con, chị H sẽ cho cháu An học tại trường mầm non B, và thuê nhà ở. Thu nhập của chị đủ để hai mẹ con sinh sống. Do thu nhập không cao, nên chị H xin không cấp dưỡng nuôi cháu T, cháu N.

Về tài sản chung, nhà đất và công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, anh Võ Văn N trình bày:*

Về quan hệ Hôn nhân: anh N xác nhận chị H trình bày về quá trình anh chị kết hôn, chung sống là đúng sự thật. Nhưng nguyên N mâu thuẫn không phải như chị H trình bày. Trong cuộc sống chung, anh chị cũng có mâu thuẫn, xô xát, cãi nhau nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ về cách sống, cách nuôi dạy con cái. Nguyên N chính là từ năm 2021, chị H có người đàn ông khác, không quan tâm gia đình, chồng con. Anh N không có chứng cứ gì về việc chị H chung sống như vợ chồng với người khác, nhưng anh được gia đình chị H nói lại. Từ khi các con anh chị lớn, chị H đã không chăm lo cho các con, không vun vén gia đình, một mình anh

phải chăm lo các con. Bản thân anh không thể chấp nhận người vợ như vậy. Anh không muốn ly hôn hoàn toàn là vì muốn các con có gia đình trọn vẹn và vì gia đình chị H đối xử với anh rất tốt, còn một người vợ không chung thủy, một người mẹ không chăm con như vậy thì anh không thể chấp nhận. Trong quá trình vợ chồng chung sống, có những lần mâu thuẫn, anh có đánh chị H, nhưng hoàn toàn không có việc anh đánh chị H phải đi bệnh viện như chị H trình bày. Về vết thương của chị H là do chị H không chăm lo con cái, anh đã khuyên bảo chị H rất nhiều lần nhưng chị H không nghe nên trong lúc nóng giận, anh đã cầm kéo định cắt tóc chị H nhưng không may trượt vào đầu chị H. Anh đã xin lỗi chị H về việc này. Chị H đã tự ý bỏ nhà đi ra ở riêng từ cuối tháng 9/2022 đến nay. Từ khi chị H nộp đơn ly hôn đến nay, anh chị cũng không nói chuyện với nhau và anh không có cách nào để khắc phục mâu thuẫn, níu kéo chị H quay về đoàn tụ. Nay chị H xin ly hôn, anh N đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết vụ án.

Về con chung: Anh N xác nhận anh chị có 03 con chung như chị H trình bày. Trường hợp ly hôn, anh N xin được nuôi cả ba con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Anh không đồng ý cho chị H nuôi con vì chị H chăm con không khéo, tự bỏ nhà đi, không lo cho con. Anh N hiện đang làm lái xe tải, sửa chữa ô tô cho Công ty Anh Linh, thu nhập khoảng 14 triệu đồng/tháng. Nếu được nuôi con, anh và các con sẽ vẫn ở ngôi nhà hiện tại của mẹ chị H là bà Trần Thị Quý. Bà Quý cũng đồng ý cho anh và các con ở tại đây.

Về tài sản chung, nhà đất và công nợ: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.
- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện T có quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H, chị H được ly hôn anh Võ Văn N; Về con chung: Giao cháu T, cháu N cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu An cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh N, chị H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nhà đất, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị H phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các chứng cứ và tài liệu do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Thanh H đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Võ Văn N. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh Võ Văn N có hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã L, huyện T, Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện T, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.3. Về việc tham gia tố tụng của đương sự: Anh N đã có lời khai, quan điểm về việc giải quyết vụ án và đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết và xét xử vụ án. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Võ Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết Hôn nhân ngày 26/06/2002 tại UBND xã L, huyện T, Hà Nội. Hội đồng xét xử xác định quan hệ Hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về tình cảm. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị H, anh N đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 9/2022 đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh N. Anh N không đồng ý ly hôn vì muốn các con có cả bố cả mẹ và do gia đình chị H vẫn muốn anh chị đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy, Hôn nhân tồn tại phải dựa trên cơ sở tình cảm tự nguyện của cả hai bên và không vì bất kỳ một mục đích nào. Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh N đều xác nhận cuộc sống Hôn nhân đã không tồn tại từ tháng 9/2022 là thời điểm anh chị sống ly thân đến nay. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, xác định chị H và anh N có mâu thuẫn về tình cảm, hai bên không sống cùng nhà với nhau. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành hoà giải nhiều lần nhưng chị H vẫn cương quyết ly hôn, anh N có nguyện vọng đoàn tụ nhưng là vì các con và vì gia đình chị H đối xử tốt với anh, còn bản thân anh không thể chấp nhận người vợ như chị H, anh cũng không hề có biện pháp nào để cải thiện tình trạng Hôn nhân của hai vợ chồng. Từ khi chị H nộp đơn ly hôn, anh N không nói chuyện

với chị H để tìm cách giải quyết mâu thuẫn và có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Điều này chứng tỏ cuộc sống Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của Hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn anh N.

2.2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Võ Văn N có 03 con chung là các cháu: Võ Kim T, sinh ngày 10/04/2007, Võ Thành N, sinh ngày 09/07/2012 và Võ Nguyễn Chúc An, sinh ngày 23/9/2018. Sau ly hôn, chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu An và giao cháu T, cháu N cho anh N nuôi dưỡng, giáo dục. Anh N xin được nuôi cả ba con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Chị H, anh N đều có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định. Cháu T, cháu N có nguyện vọng được ở với anh N nếu anh chị ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung của anh chị là chính đáng. Chị H, anh N đều có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Trên cơ sở quy định của pháp luật, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự, có xét đến nguyện vọng của con chung và để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, học tập, sinh hoạt cũng như tâm lý phát triển của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu T, cháu N cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu An cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các đương sự có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Chị H, anh N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.3. *Về tài sản chung, nhà đất, công nợ*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] **Về án phí**: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] **Về quyền kháng cáo**: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H. Chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Võ Văn N.

2. Về con chung: Xác nhận chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Võ Văn N có 03 con chung là Võ Kim T, sinh ngày 10/04/2007, Võ Thành N, sinh ngày 09/07/2012 và Võ Nguyễn Chúc An, sinh ngày 23/9/2018. Ly hôn, giao cháu Võ Kim T, cháu Võ Thành N cho anh Võ Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Võ Nguyễn Chúc An cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các đương sự có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Chị H, anh N có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà đất và công nợ: Chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Võ Văn N không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 62888 ngày 05/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND TP.H Nội;
- VKSND TP.H Nội;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các bên đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thắng